****

 **PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Top 10 Công ty Thực phẩm và Đồ uống uy tín năm 2024)*

|  |  |
| --- | --- |
| Vietnam Report cam kết phiếu điều tra chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin công ty cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin. Kính đề nghị Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 22/8/2024.**Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp! | Quý Doanh nghiệp vui lòng quét mã QR để tải bản mềm (nếu cần):Qr code  Description automatically generated |

|  |
| --- |
| A ˗ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP |

1. **Tên Doanh nghiệp:**……………………………………………………………………………………………
2. **Mã số thuế:**………………………………………………………………………………………….................
3. **Loại hình hoạt động của Doanh nghiệp:**

[ ]  Nhà nước

[ ]  Tư nhân

[ ]  Có vốn đầu tư nước ngoài (trên 50%)

1. **Lĩnh vực kinh doanh chính của Doanh nghiệp:**

[ ]  Sản xuất và chế biến thực phẩm (chiếm ……..% doanh thu)

[ ]  Chế biến và kinh doanh đồ uống (chiếm ……..% doanh thu)

[ ]  Kinh doanh chuỗi nhà hàng, dịch vụ đồ ăn, nhượng quyền (chiếm ……..% doanh thu)

[ ]  Kinh doanh chuỗi cửa hàng café, dịch vụ đồ uống, nhượng quyền (chiếm ……..% doanh thu)

[ ]  Khác (vui lòng ghi rõ):………………………………………………………………………………………

1. **Nhóm sản phẩm chính của Doanh nghiệp:**

|  |  |
| --- | --- |
| [ ]  Sữa và sản phẩm từ sữa[ ]  Bánh kẹo[ ]  Nước chấm, gia vị [ ]  Thực phẩm khô, đồ ăn liền[ ]  Thực phẩm tươi sống, đông lạnh[ ]  Chuỗi nhà hàng, dịch vụ đồ ăn, nhượng quyền [ ]  Chuỗi cửa hàng café, dịch vụ đồ uống, nhượng quyền | [ ]  Đồ uống có cồn (Rượu, bia…)[ ]  Café[ ]  Trà[ ]  Nước giải khát [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ):……………………… ………………………………………………… |

1. **Thông tin tài chính của Doanh nghiệp**

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2023** | **6 tháng đầu năm 2024** |
| --- | --- | --- |
| Tổng tài sản (triệu đồng) |  |  |
| Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) |  |  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng) |  |  |
| Tổng doanh thu (triệu đồng) |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) |  |  |

*(\*) Tổng doanh thu: Tổng cộng các khoản thu nhập của doanh nghiệp (không bao gồm các khoản giảm trừ)*

|  |
| --- |
| **B ˗ TÌNH HÌNH SXKD CỦA DOANH NGHIỆP** |

1. **Năng lực hoạt động SXKD của Quý Doanh nghiệp ở thời điểm hiện tại bằng bao nhiêu phần trăm so với cùng kỳ năm trước? *(Ước tính một cách tương đối)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Dưới 40% | Từ 40% đến dưới 60% | Từ 60% đến dưới 80% | Từ 80% đến dưới 100% | Từ 100% đến dưới 120% | Từ 120% đến dưới 150% | Từ 150% đến dưới 200% | Trên 200% |
| Doanh thu | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Lợi nhuận | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Hoạt động SXKD nói chung | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Doanh thu của Quý Doanh nghiệp theo các kênh phân phối ở thời điểm hiện tại thay đổi như thế nào so với cùng kỳ năm trước ? *(Ước tính một cách tương đối)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tăng lên | Không thay đổi | Giảm đi |
| Kênh tiêu dùng tại chỗ (On-premise) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Kênh phân phối mua về nhà (Off-premise)  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Truyền thống (General Trade) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Đại lý tổng hợp* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Tạp hóa ven đường* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Chợ truyền thống* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Hiện đại (Modern Trade) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Đại siêu thị* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Siêu thị* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Cửa hàng tiện lợi* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| *Thương mại điện tử* | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Top 5 khó khăn mà Quý Doanh nghiệp phải đối mặt trong năm 2024 là gì? *(Vui lòng chọn tối đa 5 lựa chọn cho mỗi giai đoạn)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khó khăn** | **6 tháng****đầu năm** | **6 tháng****cuối năm** |
| Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm | [ ]  | [ ]  |
| Cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành | [ ]  | [ ]  |
| Rủi ro lạm phát gia tăng | [ ]  | [ ]  |
| Biến động tỷ giá | [ ]  | [ ]  |
| Sự thay đổi hành vi của người tiêu dùng | [ ]  | [ ]  |
| Sức mua yếu | [ ]  | [ ]  |
| Các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng logistics, phân phối | [ ]  | [ ]  |
| Rủi ro an ninh mạng, quyền riêng tư | [ ]  | [ ]  |
| Tốc độ chuyển đổi kỹ thuật số | [ ]  | [ ]  |
| Thiếu thanh khoản hoặc tín dụng để đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục | [ ]  | [ ]  |
| Thiếu hụt nhân sự chất lượng cao | [ ]  | [ ]  |
| Lượng hàng tồn kho lớn | [ ]  | [ ]  |
| Chi phí vận hành cao | [ ]  | [ ]  |
| Chi phí đầu tư cho chuyển đổi xanh, giảm phát thải carbon cao | [ ]  | [ ]  |
| Nghị định 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP) | [ ]  | [ ]  |
| Khác (Vui lòng ghi rõ:....………………………………………......) | [ ]  | [ ]  |

1. **Top 4 động lực cho sự tăng trưởng của Quý Doanh nghiệp trong 6 tháng cuối năm 2024 là gì? *(Vui lòng chọn tối đa 4 lựa chọn)***

[ ]  Chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng của Chính phủ

[ ]  Chính sách điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng và lương cơ sở từ 01/07/2024

[ ]  Lãi suất giảm

[ ]  Lạm phát và tỷ giá ổn định

[ ]  Thương mại điện tử phát triển mạnh

[ ]  Hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ trong năm 2023

[ ]  Sự tiến bộ của khoa học công nghệ

[ ]  Khác (Vui lòng ghi rõ): ……………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **C – TRIỂN VỌNG VÀ DỰ BÁO** |

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về triển vọng kinh tế Việt Nam trong năm 2024?**

[ ] Tăng trưởng dưới 4,5%

[ ] Tăng trưởng từ trên 4,5% - 5%

[ ] Tăng trưởng từ trên 5% - 5,5%

[ ] Tăng trưởng từ trên 5,5% - 6,0%

[ ] Tăng trưởng từ trên 6,0% - 6,5%

[ ] Tăng trưởng trên 6,5%

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng toàn ngành Thực phẩm – Đồ uống cả năm 2024 so với năm trước sẽ như thế nào?**

[ ]  Tăng trưởng dưới 5%

[ ]  Tăng trưởng từ 5% đến 10%

[ ]  Tăng trưởng từ trên 10% đến 15%

[ ]  Tăng trưởng trên 15%

1. **Triển vọng kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong 6 tháng cuối năm 2024 so với 6 tháng đầu năm sẽ như thế nào?**

[ ]  Khó khăn hơn rất nhiều

[ ]  Khó khăn hơn một chút

[ ]  Không thay đổi

[ ]  Khả quan hơn một chút

[ ]  Khả quan hơn rất nhiều

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo thế nào về thay đổi trong nhu cầu khách hàng về các nhóm sản phẩm sau trong ít nhất 6 tháng tới đây?**

|  | Tăng lên | Không thay đổi | Giảm đi | Không rõ |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bia, rượu | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Nước giải khát | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trà | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Cà phê | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Nước khoáng  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Sữa và các sản phẩm từ sữa (bao gồm cả sữa hạt) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm tăng cường dinh dưỡng, hệ miễn dịch | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm sạch và lành mạnh (VD: không có gluten…) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm có nguồn gốc tự nhiên và hữu cơ (VD: không biến đổi gen) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm có nguồn gốc địa phương | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm nhập khẩu | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm tiện lợi, đóng gói | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm tươi sống | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Thực phẩm đông lạnh | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Gạo, ngũ cốc và các sản phẩm nghiền | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

|  |
| --- |
| **D – CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN TỚI** |

1. **Top 5 chiến lược ưu tiên của Quý Doanh nghiệp trong năm 2024 là gì?**
2. **Quản trị, vận hành SXKD *(Vui lòng chọn tối đa 5 lựa chọn)***

[ ]  Tăng cường đầu tư, ứng dụng CNTT để hỗ trợ quản lý và vận hành

[ ]  Tìm kiếm cơ hội từ M&A

[ ]  Tinh gọn cơ cấu tổ chức

[ ]  Đa dạng hóa nguồn cung ứng

[ ]  Đầu tư cho công tác bảo quản thực phẩm, lưu kho

[ ]  Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào

[ ]  Tìm kiếm thị trường mới

[ ]  Ưu tiên phục vụ thị trường hiện tại

[ ]  Tăng trưởng doanh thu

[ ]  Cắt giảm chi phí

[ ]  Tăng vốn hoạt động (IPO, phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, kêu gọi góp vốn đầu tư từ các tổ chức tín dụng, đối tác chiến lược…)

[ ]  Đầu tư cho công tác đào tạo nhân lực

[ ]  Đầu tư cho phát triển bền vững

[ ]  Thay đổi bộ nhận diện thương hiệu

[ ]  Khác (vui lòng cho biết) ……………………………………………………………………………………

1. **Chiến lược sản phẩm *(Vui lòng chọn tối đa 5 lựa chọn)***

[ ]  Điều chỉnh, thiết kế lại hoặc đổi mới việc cung cấp sản phẩm để mở rộng sang các thị trường lân cận/mới

[ ]  Nghiên cứu và đổi mới quy trình sản xuất sản phẩm theo hướng phát triển bền vững

[ ]  Tùy chỉnh các sản phẩm để đáp ứng các yêu cầu mới của khách hàng và/ hoặc quy định của Chính phủ

[ ]  Tối đa hóa chuỗi cung ứng địa phương bằng cách thiết kế lại việc cung cấp sản phẩm hiện tại

[ ]  Chỉ tập trung vào các sản phẩm cốt lõi bằng cách hợp lý hóa danh mục đầu tư và lợi thế cạnh tranh cốt lõi

[ ]  Khác (vui lòng cho biết) ……………………………………………………………………………………

1. **Tương tác với khách hàng *(Vui lòng chọn tối đa 5 lựa chọn)***

[ ]  Tăng tính linh hoạt trước và sau khi bán hàng

[ ]  Tăng các tùy chọn tự phục vụ

[ ]  Bán chéo sản phẩm để tăng giá trị mang lại cho khách hàng

[ ]  Chuyển hầu hết các giao dịch sang các kênh kỹ thuật số

[ ]  Thiết kế lại các chương trình khách hàng thân thiết

[ ]  Tăng cường đầu tư hình ảnh thương hiệu, đẩy mạnh marketing

[ ]  Phân biệt mức độ dịch vụ theo giá trị phân khúc khách hàngƯ

[ ]  Khác (vui lòng cho biết) ……………………………………………………………………………………

1. **Đâu là thay đổi quan trọng nhất trong việc xây dựng lại hoặc nâng cao nguồn doanh thu tại Quý Doanh nghiệp trong thời gian tới?**

[ ]  Sản phẩm hoặc dịch vụ

[ ]  Chiến lược định giá

[ ]  Kênh phân phối

[ ]  Phân khúc khách hàng

[ ]  Nhân sự

[ ]  Sáp nhập, mua bán, liên doanh

[ ]  Thị trường địa lý

[ ]  Các chiến lược chuỗi cung ứng

[ ]  Định vị lại hình ảnh, xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới

1. **Quý Doanh nghiệp có cân nhắc sử dụng bao bì bền vững và có thể tái chế được cho sản phẩm của mình không?**

[ ]  Hiện đang sử dụng

[ ]  Có ý định sử dụng

[ ]  Đã từng nhưng hiện không còn sử dụng

[ ]  Chưa có ý định sử dụng

1. **Quý Doanh nghiệp dự kiến chi phí marketing của mình trong năm 2024 thay đổi như thế nào so với năm 2023?**

[ ]  Tăng mạnh

[ ]  Tăng lên một chút

[ ]  Không thay đổi

[ ]  Giảm đi một chút

[ ]  Giảm mạnh

1. **Quý Doanh nghiệp dự kiến phân bổ ngân sách marketing như thế nào trong ít nhất 6 tháng tới đây?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Tăng lên | Không đổi | Giảm đi |
| Chi cho marketing nói chung | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Marketing truyền thống | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Marketing kỹ thuật số (Digital marketing) | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Xây dựng thương hiệu | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Quản trị quan hệ khách hàng | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Trải nghiệm khách hàng | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Giới thiệu sản phẩm mới | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Giới thiệu dịch vụ mới | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Quý Doanh nghiệp đã, đang và sẽ đầu tư vào những điều nào sau đây để cải thiện hiệu suất của hoạt động digital marketing trên các kênh trực tuyến?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Hiện tại** | **Trong 2-3 năm tới** |
| Phân tích dữ liệu | [ ]  | [ ]  |
| Tối ưu hóa trang web của công ty | [ ]  | [ ]  |
| Phương tiện kỹ thuật số và tìm kiếm | [ ]  | [ ]  |
| Hệ thống hoặc nền tảng công nghệ tiếp thị | [ ]  | [ ]  |
| Tiếp thị kỹ thuật số trực tiếp (ví dụ: email) | [ ]  | [ ]  |
| Quản lý các vấn đề về quyền riêng tư | [ ]  | [ ]  |
| Máy học và tự động hóa | [ ]  | [ ]  |
| Cải thiện ứng dụng (nếu có) | [ ]  | [ ]  |
| Khác (Vui lòng ghi rõ:………………….………………………..) | [ ]  | [ ]  |

|  |
| --- |
| E- ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC THI ESG CỦA DOANH NGHIỆP |

1. **Việc thực thi và đáp ứng tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quý Doanh nghiệp không?**

[ ]  Có

[ ]  Không

[ ]  Không rõ

**Nếu có, vui lòng đánh giá mức độ ảnh hưởng**

**Mức ảnh hưởng thấp**

**Mức ảnh hưởng cao**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Đâu là mô tả đúng nhất về tình hình cam kết ESG hiện tại của Quý doanh nghiệp?**

[ ]  Không đặt ra cam kết ESG/ chưa có kế hoạch cụ thể

[ ]  Đang ở giai đoạn lập kế hoạch

[ ]  Đã lập kế hoạch và triển khai một phần cam kết ESG

[ ]  Đã lập kế hoạch và triển khai toàn diện cam kết ESG

1. **Vui lòng chia sẻ về tình hình thực hiện chương trình ESG của Quý Doanh nghiệp?**

[ ]  Không có chương trình ESG

[ ]  Kế hoạch giới hạn với một số tiêu chí cho khía cạnh được chọn E, S hoặc G.

[ ]  Có chương trình ESG rõ ràng cho một số yếu tố

[ ]  Có chương trình ESG toàn diện bao gồm tất cả các khía cạnh E, S và G

1. **Đâu là những hành động Quý Doanh nghiệp sẵn sàng thực hiện để hướng tới cam kết ESG?**

[ ]  Xây dựng hệ thống các nhà máy sản xuất trung hòa carbon

[ ]  Sử dụng bao bì thân thiện với môi trường

[ ]  Sử dụng năng lượng tái tạo trong hoạt động sản xuất và vận hành

[ ]  Tối ưu hóa sử dụng nước và nguyên liệu, giảm thiểu lãng phí thực phẩm và thực hiện các chương trình tái chế

[ ]  Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển các sản phẩm có nguồn gốc từ nông nghiệp bền vững, hữu cơ hoặc ít tác động đến môi trường.

[ ]  Không sử dụng nhựa dùng một lần trong mọi hoạt động của doanh nghiệp

[ ]  Ứng dụng chữ ký số để hạn chế sử dụng giấy

[ ]  Minh bạch thông tin quản trị

[ ]  Tổ chức các buổi hội thảo để trang bị kiến thức về ESG cho nhân sự trong doanh nghiệp

[ ]  Có các chính sách đãi ngộ, đào tạo và giữ chân nhân sự

[ ]  Ứng dụng DEI (Diversity – Equity – Inclusion) trong văn hóa doanh nghiệp

[ ]  Tham gia vào các chương trình phát triển cộng đồng, hỗ trợ giáo dục, y tế và các hoạt động từ thiện

[ ]  Khác (vui lòng cho biết)…………………………………………………………………………………….

1. **Đâu là những rào cản khiến Quý Doanh nghiệp chưa sẵn sàng đưa ra cam kết ESG? (Vui lòng chọn tối đa 5 rào cản)**

[ ]  Chưa có đầy đủ thông tin

[ ]  Khả năng tài chính

[ ]  Quy mô công ty

[ ]  Nhân viên chưa có kiến thức, chuyên môn cần thiết về ESG

[ ]  Khung pháp lý chưa minh bạch, rõ ràng

[ ]  Đội ngũ lãnh đạo cấp cao cần nâng cao kiến thức và năng lực thực thi ESG

[ ]  Khác (Vui lòng ghi rõ): ………………………………………………………………………………...

|  |
| --- |
| **F – ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU** |

1. **Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, đâu là Doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống tiêu biểu nhất trên thị trường Thực phẩm - Đồ uống Việt Nam hiện nay?** Quý Doanh nghiệp vui lòng kể tên 10 Doanh nghiệp mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất với mỗi hạng mục dưới đây.
2. **NHÓM NGÀNH THỰC PHẨM**

**NGÀNH HÀNG: SỮA VÀ SẢN PHẨM TỪ SỮA**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |   |
| 2 |  |   |
| 3 |  |   |
| 4 |  |   |
| 5 |  |   |
| 6 |  |   |
| 7 |  |   |
| 8 |  |   |
| 9 |  |   |
| 10 |  |   |

**NGÀNH HÀNG: BÁNH KẸO, THỰC PHẨM DINH DƯỠNG**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |
| 7 |  |  |
| 8 |  |  |
| 9 |  |  |
| 10 |  |  |

**NGÀNH HÀNG: NƯỚC CHẤM, GIA VỊ**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |
| 7 |  |   |
| 8 |  |   |
| 9 |  |   |
| 10 |  |   |

**NGÀNH HÀNG: THỰC PHẨM KHÔ, ĐỒ ĂN LIỀN**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |   |
| 2 |  |   |
| 3 |  |   |
| 4 |  |   |
| 5 |  |   |
| 6 |  |   |
| 7 |  |   |
| 8 |  |   |
| 9 |  |   |
| 10 |  |   |

**NGÀNH: THỰC PHẨM TƯƠI, ĐÔNG LẠNH**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |   |
| 7 |  |   |
| 8 |  |   |
| 9 |  |   |
| 10 |  |   |

1. **NHÓM NGÀNH ĐỒ UỐNG**

**NGÀNH HÀNG: ĐỒ UỐNG CÓ CỒN (RƯỢU, BIA…)**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |
| 7 |  |  |
| 8 |  |  |
| 9 |  |  |
| 10 |  |  |

**NGÀNH HÀNG: CAFÉ**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |   |
| 2 |  |   |
| 3 |  |   |
| 4 |  |   |
| 5 |  |   |
| 6 |  |   |
| 7 |  |   |
| 8 |  |   |
| 9 |  |   |
| 10 |   |   |

**NGÀNH HÀNG: TRÀ**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| 4 |  |  |
| 5 |  |  |
| 6 |  |  |
| 7 |  |  |
| 8 |  |  |
| 9 |  |  |
| 10 |  |  |

**NGÀNH HÀNG: NƯỚC GIẢI KHÁT**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **NHÃN HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
| 1 |  |  |
| 2 |  |   |
| 3 |  |   |
| 4 |  |   |
| 5 |  |   |
| 6 |  |   |
| 7 |  |   |
| 8 |  |   |
| 9 |  |   |
| 10 |  |   |

1. **NHÓM NGÀNH: CHUỖI NHÀ HÀNG, DỊCH VỤ ĐỒ ĂN, NHƯỢNG QUYỀN**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **CHUỖI NHÀ HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
|  1 |  |  |
|  2 |  |  |
|  3 |  |  |
|  4 |  |  |
|  5 |  |  |
|  6 |  |  |
|  7 |  |  |
|  8 |  |  |
|  9 |  |  |
|  10 |  |  |

1. **NHÓM NGÀNH: CHUỖI CỬA HÀNG CAFÉ, DỊCH VỤ ĐỒ UỐNG, NHƯỢNG QUYỀN**

| **STT** | **TÊN DOANH NGHIỆP** | **CHUỖI CỬA HÀNG TIÊU BIỂU** |
| --- | --- | --- |
|  1 |  |  |
|  2 |  |  |
|  3 |  |  |
|  4 |  |  |
|  5 |  |  |
|  6 |  |  |
|  7 |  |  |
|  8 |  |  |
|  9 |  |  |
|  10 |  |  |

**Quý Doanh nghiệp vui lòng cung cấp thông tin để nhận Báo cáo Earnings Insight năm 2024 của Vietnam Report:**

**THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU**

Họ và tên: ………………………………………………………………………………………….……………...

Bộ phận làm việc: …………………………………………………………………………………………………

Địa chỉ nhận báo cáo: ………………………………………………………………………………......................

Điện thoại: ……………………………………………Email: ……………..........................................................

......, ngày….. tháng….. năm 2024

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

***(Ký tên và đóng dấu)***

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*